

Số: 2356 /TTr-UBND

Bình Dương, ngày 11 tháng 7 năm 2016

TỜ TRÌNH

Về việc bổ sung, điều chỉnh Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về danh mục, công trình thuộc diện thu đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG	
Số: 000630	Ngày: 15-07-2016
Chuyên: Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;	

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về việc thông qua danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương;

Xét đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số: 445/TTr-STNMT ngày 28/6/2016;

Nay, Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 ngày 11/12/2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương về danh mục, công trình thuộc diện thu đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa trong năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương, cụ thể như sau:

1. Khái quát Nghị quyết số 44:

Ngày 11/12/2015, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 về việc thông qua danh mục dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất lúa năm 2016 trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó số dự án thu hồi đất đã được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua là 306 công trình với diện tích 1.762,27ha (Trong đó: số dự án được thực hiện mới năm 2016 là 117 công trình với diện tích 651,27ha; số dự án chuyển tiếp từ năm 2015 sang năm 2016 là 189 công trình với diện tích 1.110,97ha); dự án có sử dụng đất lúa là 8 công trình với diện tích 15,33ha.

2. Lý do xin điều chỉnh, bổ sung:

- Thứ nhất: Một số dự án mới được cân đối bổ sung vốn (có 14 công trình với diện tích 43,09ha);



- Thứ hai: Một số dự án mới phát sinh mà phải thu hồi đất trong năm 2016 khi triển khai thực hiện thu hồi đất phải được Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua (có 60 công trình với diện tích 236,34ha);

- Thứ ba: Một số công trình nguồn vốn triển khai thực hiện là của Doanh nghiệp đầu tư, do đó Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không chủ động về thời gian đầu tư. Nay, các chủ đầu tư đăng ký bổ sung vào diện thu hồi đất để thực hiện trong năm 2016 (có 4 công trình với diện tích 1,27ha).

- Thứ tư: Một số công trình khi tiến hành triển khai đo đạc thực tế có sự chênh lệch diện tích trước đây nên xin điều chỉnh quy mô, diện tích (có 05 công trình với diện tích chênh lệch tăng thêm là 1,53ha).

- Thứ 5: Một số công trình có nguồn vốn triển khai thực hiện là của cấp tỉnh đầu tư, do đó Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố không chủ động về thời gian đầu tư nhưng vẫn đưa vào kế hoạch thu hồi đất năm 2016 để thu hút đầu tư. Nay, qua rà soát lại cho thấy không có khả năng thực hiện trong năm 2016 nên xin điều chỉnh giảm công trình (có 01 công trình với diện tích 0,11ha).

3. Nội dung xin điều chỉnh, bổ sung:

a) Các công trình xin điều chỉnh diện tích so với Nghị quyết 44 (Chi tiết kèm theo Phụ lục 1):

Tổng số dự án công trình xin điều chỉnh diện tích là 05 công trình với diện tích chênh lệch tăng thêm là 1,53ha. Trong đó:

- Huyện Phú Giáo 02 công trình điều chỉnh diện tích tăng thêm 1,2ha;
- Thị xã Bến Cát 02 công trình điều chỉnh diện tích tăng 0,4ha;
- Thị xã Thuận An có 01 công trình với diện tích giảm 0,07ha.

b) Các công trình xin bổ sung mới vào Nghị quyết 44 (Chi tiết kèm theo Phụ lục 2, phụ lục 3):

Tổng số dự án công trình xin bổ sung mới là 78 công trình, với diện tích là 280,70ha. Trong đó:

*** Theo đơn vị hành chính**

- Thị xã Thuận An: 15 công trình, với diện tích 27,93ha;
- Thị xã Tân Uyên: 06 công trình với diện tích 9,77ha;
- Thị xã Bến Cát: 15 công trình với diện tích 100,23ha;
- Thị xã Dĩ An: 03 công trình với diện tích 11,74ha.
- Huyện Bắc Tân Uyên: 07 công trình, với diện tích 9,11ha;
- Huyện Bàu Bàng: 11 công trình, với diện tích 48,51ha;
- Huyện Phú Giáo: 14 công trình với diện tích 43,09ha.

- Thủ Dầu Một: 07 công trình với diện tích 30,33ha.

*** Theo ngành, lĩnh vực:**

- Dự án xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; công trình di tích lịch sử - văn hóa, công viên, quảng trường, tượng đài, bia tưởng niệm, công trình sự nghiệp công cấp địa phương: 32 công trình, tương ứng diện tích là 73,99 ha.

- Dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật của địa phương gồm giao thông, thủy lợi, cấp nước, thoát nước, điện lực, thông tin liên lạc; công trình thu gom, xử lý chất thải: 43 công trình, tương ứng diện tích 178,09ha.

- Dự án tái định cư, nhà ở xã hội: 3 công trình, tương ứng diện tích 28,62ha.

c) Công trình không thực hiện:

Công trình không thực hiện so với Nghị quyết 44 là nâng cấp mở rộng đường Lê Hồng Phong tại thị xã Dĩ An với diện tích là 0,11ha.

4. Tổng hợp các dự án, công trình thực hiện trong năm 2016 sau khi điều chỉnh, bổ sung mà phải thông qua Hội đồng nhân dân

a) Dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất

Tổng số dự án, công trình thuộc diện thu hồi đất thực hiện trong năm 2016 sau khi điều chỉnh, bổ sung vào Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 trên địa bàn tỉnh là 383 công trình với diện tích 2.044,37ha. Cụ thể như sau:

- Thành phố Thủ Dầu Một: 45 công trình, với diện tích 206,28ha;
- Thị xã Thuận An: 48 công trình, với diện tích 94,57ha;
- Thị xã Dĩ An: 21 công trình, với diện tích 43,92ha;
- Thị xã Tân Uyên: 33 công trình với diện tích 65,38ha;
- Thị xã Bến Cát: 46 công trình với diện tích 243,29ha;
- Huyện Phú Giáo: 53 công trình với diện tích 549,15ha;
- Huyện Bắc Tân Uyên: 52 công trình, với diện tích 222,36ha;
- Huyện Bàu Bàng: 51 công trình, với diện tích 502,72ha;
- Huyện Dầu Tiếng: 33 công trình với diện tích 116,7ha.

b) Dự án, công trình có sử dụng đất lúa

Tổng số dự án, công trình có sử dụng đất lúa trong năm 2016 sau điều chỉnh Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 trên địa bàn tỉnh giữ nguyên 8 công trình với diện tích 15,33ha.

Lưu ý: Những công trình trình dự án tại Nghị quyết số 44/NQ-HĐND8 không có có tên trong Phụ lục kèm theo vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét và thông qua. /~~2~~

Nơi nhận: /

- TTTU; TTHĐND;
- CT & PCT UBND tỉnh;
- VP; Ban KTNS – HĐND tỉnh;
- Sở KHĐT; Sở TC; Sở TP;
- Sở TNMT; Cục Thuế;
- LĐVP, Tiền, TH;
- Lưu: VT. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Thanh Liêm



PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT ĐIỀU CHỈNH DIỆN TÍCH

(Kèm theo Tờ trình số: 2356 /TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

TT	Tên Công trình	Diện tích theo Nghị quyết 44 Diện tích (m ²)	Diện tích xin điều chỉnh Diện tích (m2)	Chênh lệch Diện tích (m2)	Số tờ	Số thửa	Xã
I	Thị xã Bến Cát	2.400	6.400	4.000			
1	Giải tỏa trắng khu vực dọc sông Thị Tính tuyến đường Ngô Quyền	1.400	6.100	4.700	28		Mỹ Phước
2	Văn phòng ấp Phú Nghị	1.000	300	-700	37	38	Hòa Lợi
II	Phú Giáo	29.000	41.000	12.000			
1	Chợ Phước Vĩnh	10.000	20.000	10.000			Phước Vĩnh
2	Chợ An Bình	19.000	21.000	2.000			An Bình
III	Thuận An	4.400	3.700	-700			
1	Trạm biến áp 110 Kw Tân Bình	4.400	3.700	-700	7		Bình Hòa
5	Tổng	35.800	51.100	15.300			



PHỤ LỤC 2: TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG NĂM 2016 THEO HUYỆN

(Kèm theo Tờ trình số: 2356 /TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

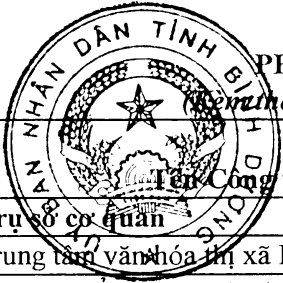
TT	Tên Công trình	Diện tích (m ²)	Số tờ	Số thửa	Xã
I	Thị xã Bến Cát	1.002.305			
1	Giao lộ Ngã Tư Phú Thứ	34.900	một phần tờ 14, 23		Phú An
2	Nâng cấp đường từ ngã 3 Vật Tư đến ngã tư Tân Dù (cổng Rau Muống)	6.200	37, 38		Mỹ Phước
3	Tuyến ống dẫn nước thô từ Hồ Phước Hòa về khu vực trung tâm đô thị Bình Dương	31.000	32		Chánh Phú Hòa
4	Tái định cư đường Mỹ Phước – Tân Vạn nối dài về hướng Khu công nghiệp Mỹ Phước II và III	254.100	07, 18, 23		Tân Định
5	Mở rộng đường ĐT744 (hạng mục đường và hệ thống thoát nước)	186.100	05, 03, 09, 14, 15, 19, 20, 23, 24, 29, 36, 37, 44		An Tây
		2.500	39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 62, 63, 33, 34, 35, 36, 37, 38		Phú An
6	Trung tâm văn hóa thị xã Bến Cát	72.000	32		Mỹ Phước
7	Nâng cấp mở rộng cống Suối Tre và đường ven suối	743	59		Mỹ Phước
8	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình Dương mở rộng	250.000	29		Chánh Phú Hòa
9	Đường vào Trung tâm hành chính xã An Tây 2	6.400	9		An Tây
10	Đường vào cụm công nghiệp An Tây	20.000			An Điền
11	Đường gò Cào Cào	28.000	22		Tân Định
12	Trường Tiểu học Định Phước	12.000	23		Tân Định
13	Xây dựng tuyến đường bên đò Bò Cạp	5.832			An Tây
14	Mở rộng đường từ nhà ông Ba Chính đến nhà ông Ba Bò	7.530	14, 8		Phú An
15	Đập sinh thái Cây Chay	85.000	53		Mỹ Phước
II	Huyện Bắc Tân Uyên	91.118			
1	Trung tâm văn hóa xã Lạc An	28.500	27, 28		Lạc An
2	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	11.000	11		Tân Thành
3	Trạm biến áp 110Kv Thường Tân- Uyên Hưng (năm 2 địa bàn Tân Uyên và Bắc Tân Uyên)	3.500			Bắc Tân Uyên
4	Khu dân cư, tái định cư xã Tân Mỹ	15.000	57	Thửa đất số 461, 462, 474 và một phần các thửa đất số 415, 463, 539, 540, 541, 416	Tân Mỹ

5	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Mỹ	16.900	56	Một phần thửa đất số 137, 138, 139, 140, 141, 42, 43, 45, 47, 48, 118, 117, 71, 72, 78, 40, 75 và các thửa đất số 116, 115, 114, 73, 74, 76, 77	Tân Mỹ
6	Khu Trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể khu tưởng niệm Chiến khu Đ	3.200			Đất Cuốc
7	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đến ngã ba Tân Thành	13.018			Tân Uyên, Bắc Tân Uyên
III	Thuận An	279.270			
1	Đường PKV 21 A (Đường vào Trung tâm VHTDTT)	6.300			Lái Thiêu
2	Đường PKV 19 (Đường vào Trường tiểu học Trần Quốc Toản)	7.000			Lái Thiêu
3	Đường Thuận Giao 10	600			Thuận Giao
4	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao	49.000	48	90, 365	Lái Thiêu
5	Trường THPT An Phú	17.000	B2	60	An Phú
6	Trường THPT Bình Chuẩn	28.000	81	1, 18, 19, 20, 21, 22, 37, 64-1, 65-1, 830, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118 và 23	Bình Chuẩn
7	Trường THPT Bình Hòa	16.000	E3 (DC10)		Bình Hòa
8	UBND phường Hưng Định	10.000	B1 và B2	72 và 495	Hưng Định
9	Đường dây 220 Kv Tân Uyên- Bình Hòa	9.000			Thuận Giao, Bình Hòa, An Phú, Bình Chuẩn
10	Trường tiểu học Hoa Mai	28.000	DC 3		Hưng Định
11	Trường tiểu học Vĩnh Phú	9.800	C2		Vĩnh Phú
12	Trường THCS Lê Thị Trung	13.400	153; 1015		Bình Chuẩn
13	Trung tâm văn hóa thị xã Thuận An	2.000	10		Lái Thiêu
14	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao (Trung tâm hành chính thị xã)	53.000	48	90, 365	Lái Thiêu
15	GPMB công trình nâng cấp, cải tạo các nút giao trên QL 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	30.170			Thuận Giao, An Thạnh, Hưng Định, Bình Hòa, Lái Thiêu
IV	Dĩ An	117.361			
		72.200	5TDH.B		Tân Đông Hiệp



	Trạm 500kV Lai Uyên	21.100	B3.2; B3.4; C4; D4; D4.1; D5; E5.2; E5.4; E6.		Tân Bình
2	Kênh 5B	10.041			Đông Hòa
3	Suối Nhám	14.020			Đông Hòa
V	Phú Giáo	430.900			
1	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	6.400			Phước Vĩnh
2	Nâng cấp, mở rộng đường 1/5	6.700			Phước Vĩnh
3	Xây dựng mới cầu Bến Táng	10.600			Vĩnh Hòa, Tân Hiệp
4	Chỉnh trang khai thông dòng chảy Suối Vàm Vá	123.800			Phước Vĩnh, Vĩnh Hòa
5	Nâng cấp đường ĐH 518	6.700			An Bình, Tam Lập
6	Đường ĐH 512 (Đường kiểm)	154.400			Vĩnh Hòa, Tân Hiệp, An Linh
7	Nâng cấp lán nhựa đường ĐH 517	89.700			Tân Long
8	Trụ sở tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	5.000			Phước Vĩnh
9	Văn phòng ấp Bưng Riềng	700	24	243	Vĩnh Hòa
10	Trường THCS Vĩnh Hòa	15.500	15	692, 1062, 1061, 485, 774, 762, 583, 716, 1053, 313, 718, 817, 581, 582	Vĩnh Hòa
11	Văn phòng ấp Sa Dụp	1.200	3	274	Phước Sang
12	Văn phòng ấp Đồng Trâm	1.500	7	24	Phước Sang
13	Hội trường xã Tân Hiệp	700	18	463	Tân Hiệp
14	Chợ Tân Hiệp	8.000		39,40,301,302,274,498,425 ,426,427,428,460,76,41	Tân Hiệp
VI	Bầu Bàng	485.069			
1	Văn phòng ấp Đồng Chèo	3.000	38	Một phần 87	Lai Uyên
2	Khu Văn hóa thể thao ấp Đồng Chèo	7.965	10	55, 171	Lai Uyên
3	Hệ thống cấp nước khu liên hợp công nghiệp và đô thị Becamex Bình Phước và vùng lân cận	24.000	5	6, 52	Trù Văn Thố
4	Trụ đầu nối trạm biến áp 220 Kv	760	37	257, 2501	Lai Hưng
5	Trạm biến áp 110Kv Lai Hưng và đường dây đầu nối	4.000			Lai Hưng
6	Đường giao thông nông thôn liên ấp 2 - ấp 4	7.000	24	26, 27, 28, 78, 79, 80	Trù Văn Thố
7	Văn phòng ấp Bến Tượng	1.000	20	Một phần 161	Lai Hưng
8	Văn phòng ấp Lai Khê	2.544	40	250	Lai Hưng

9	Hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng (tên cũ Hệ thống dẫn nước và hồ chứa nước về KCN Bàu Bàng)	430.000			Trừ Văn Thố, Lai Uyên
10	Đường giao thông nông thôn ấp Hồ Muôn	2.400	Lô 40, 51, 52		Long Nguyên
11	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	2.400	Lô 59, 60, 61, 43, 54		Long Nguyên
VII	thị xã Tân Uyên	97.747			
1	Trạm biến áp 110Kv Thường Tân- Uyên Hưng	3.500			thị xã Tân Uyên
2	Trường Mầm non Tân Vĩnh Hiệp	7.338		18 815, 753, 754, 770, 771, 820	Tân Vĩnh Hiệp
3	Dự án Nạo vét Suối chợ Tân Phước Khánh	7.811		7 38, 37, 32, 33, 31, 2, 4	Tân Phước Khánh
4	Khu dân cư -Tái định cư phường Uyên Hưng	17.063		47 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484	Uyên Hưng
5	Khu di tích khảo cổ Cù Lao Rùa	46.995		16	Thạnh Hội
6	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 747a (đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh)	15.040			Uyên Hưng, Hội Nghĩa, Bình Mỹ, Tân Bình
VIII	Thủ Dầu Một	303.253			
1	Trục thoát nước Suối Giữa (đoạn từ đường Mỹ Phước đến trạm thu phí Suối Giữa)	107.341			Định Hòa, Hiệp Thành
2	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát (đoạn từ cống ngang QL 13 đến Cầu Trắng)	141.360			Thuận An, Thủ Dầu Một
3	Quy hoạch các bệnh viện và một số công trình nhà nước	20.000			Định Hòa
4	Giao lộ ngã tư Cây Me (công trình chuyển tiếp 2015)	26.000			Tân An, Hiệp An
5	Đường AT 37 (công trình chuyển tiếp 2015)	2.030			Phú Thọ
6	Cải tạo nút giao thông Sở Sao (công trình chuyển tiếp 2015)	4.813			Hiệp An, Định Hòa
7	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	1.709			Phú Thọ
78	Tổng	2.807.023			



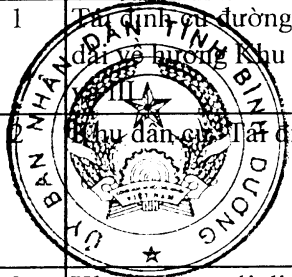
PHỤ LỤC 3: TỔNG HỢP DANH MỤC CÔNG TRÌNH THU HỒI ĐẤT BỔ SUNG THEO LĨNH VỰC
(theo Tờ trình số: 2356 /TTr-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương)

TT	Tên Công trình	Diện tích (m ²)	Số tờ	Số thửa	Xã	Huyện, thị xã, thành phố
I	Trụ sở cơ quan	739.943				
1	Trung tâm văn hóa thị xã Bến Cát	72.000	32		Mỹ Phước	Bến Cát
2	Trường Tiểu học Định Phước	12.000	23		Tân Định	Bến Cát
3	Trung tâm văn hóa xã Lạc An	28.500	27, 28		Lạc An	Bắc Tân Uyên
4	Trường Mầm non Hoa Phong Lan	11.000	11		Tân Thành	Bắc Tân Uyên
5	Trung tâm văn hóa thể thao xã Tân Mỹ	16.900	56	Một phần thửa đất số 137, 138, 139, 140, 141, 42, 43, 45, 47, 48, 118, 117, 71, 72, 78, 40, 75 và các thửa đất số 116, 115, 114, 73, 74, 76, 77	Tân Mỹ	Bắc Tân Uyên
6	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao	49.000	48	90, 365	Lái Thiêu	Thuận An
7	Trường THPT An Phú	17.000	B2	60	An Phú	Thuận An
8	Trường THPT Bình Chuẩn	28.000	81	1, 18, 19, 20, 21, 22, 37, 64-1, 65-1, 830, 1112, 1113, 1114, 1115, 1116, 1117, 1118 và 23	Bình Chuẩn	Thuận An
9	Trường THPT Bình Hòa	16.000	E3 (DC10)		Bình Hòa	Thuận An
10	UBND phường Hưng Định	10.000	B1 và B2	72 và 495	Hưng Định	Thuận An
11	Trụ sở tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả	5.000			Phước Vĩnh	Phú Giáo
12	Văn phòng ấp Bung Riêng	700	24	243	Vĩnh Hòa	Phú Giáo
13	Trường THCS Vĩnh Hòa	15.500	15	692, 1062, 1061, 485, 774, 762, 583, 716, 1053, 313, 718, 817, 581, 582	Vĩnh Hòa	Phú Giáo
14	Văn phòng ấp Sa Dục	1.200	3	274	Phước Sang	Phú Giáo
15	Văn phòng ấp Đồng Trâm	1.500	7	24	Phước Sang	Phú Giáo
16	Hội trường xã Tân Hiệp	700	18	463	Tân Hiệp	Phú Giáo
17	Văn phòng ấp Đồng Chèo	3.000	38	Một phần 87	Lai Uyên	Bàu Bàng
18	Khu Văn hóa thể thao ấp Đồng Chèo	7.965	10	55, 171	Lai Uyên	Bàu Bàng
19	Trường Mầm non Tân Vĩnh Hiệp	7.338	18	815, 753, 754, 770, 771, 820	Tân Vĩnh Hiệp	Tân Uyên
20	Văn phòng ấp Bến Tượng	1.000	20	Một phần 161	Lai Hưng	Bàu Bàng
21	Văn phòng ấp Lai Khê	2.544	40	250	Lai Hưng	Bàu Bàng

22	Chợ Tân Hiệp	8.000	18	39,40,301,302,274,498,425,42 6,427,428,460,76,41	Tân Hiệp	Phú Giáo
23	Trường tiểu học Hoa Mai	28.000	DC 3		Hưng Định	Thuận An
24	Trường tiểu học Vĩnh Phú	9.800	C2		Vĩnh Phú	Thuận An
25	Trường THCS Lê Thị Trung	13.400	153; 1015		Bình Chuẩn	Thuận An
26	Trung tâm văn hóa thị xã Thuận An	2.000	10		Lái Thiêu	Thuận An
27	Khu Trung tâm và hạ tầng kỹ thuật tổng thể khu tưởng niệm Chiến khu Đ	3.200			Đất Cuốc	Bắc Tân Uyên
28	Khu di tích khảo cổ Cù Lao Rùa	46.995	16		Thanh Hội	Tân Uyên
29	Trục thoát nước Suối Giữa (đoạn từ đường Mỹ Phước đến trạm thu phí Suối Giữa)	107.341			Định Hòa, Hiệp Thành	Thủ Dầu Một
30	Trục thoát nước Bưng Biệp - Suối Cát (đoạn từ cống ngang QL 13 đến Cầu Trắng)	141.360			Thuận An, Thủ Dầu Một	Thủ Dầu Một
31	Trung tâm văn hóa thể dục thể thao (Trung tâm hành chính thị xã)	53.000	48	90, 365	Lái Thiêu	Thuận An
32	Quy hoạch các bệnh viện và một số công trình nhà nước	20.000			Định Hòa	Thủ Dầu Một
II	Hạ tầng kỹ thuật	1.780.917				
1	Giao lộ Ngã Tư Phú Thứ	34.900	một phần từ 14, 23		Phú An	Bến Cát
2	Nâng cấp đường từ ngã 3 Vật Tư đến ngã tư Tàn Dù (cổng Rau Muống)	6.200	37, 38		Mỹ Phước	Bến Cát
3	Tuyến ống dẫn nước thô từ Hồ Phước Hòa về khu vực trung tâm đô thị Bình Dương	31.000	32		Chánh Phú Hòa	Bến Cát
4	Mở rộng đường ĐT744 (hạng mục đường và hệ thống thoát nước)	186.100	05, 03, 09, 14, 15, 19, 20, 23, 24, 29, 36, 37, 44		An Tây	Bến Cát
		2.500	39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 62, 63, 33, 34, 35, 36, 37, 38		Phú An	Bến Cát
5	Nâng cấp mở rộng cống Suối Tre và đường ven suối	743	59		Mỹ Phước	Bến Cát

6	Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nam Bình	250.000	29		Chánh Phú Hòa	Bến Cát
7	Đường nối từ trung tâm hành chính xã An Tây	6.400	9		An Tây	Bến Cát
8	Đường vào cụm công nghiệp An Tây	20.000			An Điền	Bến Cát
9	Đường gò Cao Cao	28.000	22		Tân Định	Bến Cát
10	Xây dựng tuyến đường bến đò Bò Cạp	5.832			An Tây	Bến Cát
11	Mở rộng đường từ nhà ông Ba Chính đến nhà ông Ba Bò	7.530	14, 8		Phú An	Bến Cát
12	Đập sinh thái Cây Chay	85.000	53		Mỹ Phước	Bến Cát
13	Trạm biến áp 110Kv Thường Tân- Uyên Hưng	3.500			Bắc Tân Uyên	Bắc Tân Uyên
14	Đường PKV 21 A (Đường vào Trung tâm VHTDTT)	6.300			Lái Thiêu	Thuận An
15	Đường PKV 19 (Đường vào Trường tiểu học Trần Quốc Toàn)	7.000			Lái Thiêu	Thuận An
16	Đường Thuận Giao 10	600			Thuận Giao	Thuận An
17	Đường dây 220 Kv Tân Uyên- Bình Hòa	9.000			Thuận Giao, Bình Hòa, An Phú, Bình Chuẩn	Thuận An
18	Trạm 500kV Tân Uyên và đầu nối	72.200	5TDH.B		Tân Đông Hiệp	Dĩ An
		21.100	B3.2; B3.4; C4; D4; D4.1; D5; E5.2; E5.4; E6.		Tân Bình	
19	Đầu tư nâng cấp đường 19/5	6.400			Phước Vĩnh	Phú Giáo
20	Nâng cấp, mở rộng đường 1/5	6.700			Phước Vĩnh	Phú Giáo
21	Xây dựng mới cầu Bến Tăng	10.600			Vĩnh Hòa, Tân Hiệp	Phú Giáo
22	Chỉnh trang khai thông dòng chảy Suối Vàm Vá	123.800			Phước Vĩnh, Vĩnh Hòa	Phú Giáo
23	Nâng cấp đường ĐH 518	6.700			An Bình, Tam Lập	Phú Giáo
24	Đường ĐH 512 (Đường kiểm)	154.400			Vĩnh Hòa, Tân Hiệp, An Linh	Phú Giáo
25	Nâng cấp láng nhựa đường ĐH 517	89.700			Tân Long	Phú Giáo
26	Hệ thống cấp nước khu liên hợp công nghiệp và đô thị Becamex Bình Phước và vùng lân cận	24.000	5	6, 52	Trừ Văn Thố	Bàu Bàng

27	Trụ đầu nổi trạm biến áp 220 Kv	760	37	257, 2501	Lai Hưng	Bàu Bàng
28	Trạm biến áp 110Kv Lai Hưng và đường dây đầu nổi	4.000			Lai Hưng	Bàu Bàng
29	Đường giao thông nông thôn liên ấp 2 - ấp 4	7.000	24	26, 27, 28, 78, 79, 80	Trừ Văn Thố	Bàu Bàng
30	Hệ thống cấp nước khu vực Bàu Bàng (tên cũ Hệ thống dẫn nước và hồ chứa nước về KCN Bàu Bàng)	430.000			Trừ Văn Thố, Lai Uyên	Bàu Bàng
31	Đường giao thông nông thôn ấp Hồ Muôn	2.400	Lô 40, 51, 52		Long Nguyên	Bàu Bàng
32	Đường giao thông nông thôn ấp Long Thành	2.400	Lô 59, 60, 61, 43, 54		Long Nguyên	Bàu Bàng
33	Trạm biến áp 110Kv Thường Tân- Uyên Hưng	3.500			thị xã Tân Uyên	Tân Uyên
34	Dự án Nạo vét Suối chợ Tân Phước Khánh	7.811	7	38, 37, 32, 33, 31, 2, 4	Tân Phước Khánh	Tân Uyên
35	Xây dựng đường từ ngã ba Mười Muộn đến ngã ba Tân Thành	13.018				Tân Uyên, Bắc Tân Uyên
36	Nâng cấp mở rộng đường ĐT 747a (đoạn từ dốc Bà Nghĩa đến ngã ba Cổng Xanh)	15.040			Uyên Hưng, Hội Nghĩa, Bình Mỹ, Tân Bình	Tân Uyên, Bắc Tân Uyên
37	GPMB công trình nâng cấp, cải tạo các nút giao trên QL 13 (đoạn từ điểm giao cầu Phú Long đến nút giao ngã tư Hòa Lân)	30.170			Thuận Giao, An Thạnh, Hưng Định, Bình Hòa, Lái Thiêu	Thuận An
38	Kênh 5B	10.041			Đông Hòa	Dĩ An
39	Suối Nhum	14.020			Đông Hòa	Dĩ An
40	Giao lộ ngã tư Cây Me (công trình chuyển tiếp 2015)	26.000			Tân An, Hiệp An	Thủ Dầu Một
41	Đường AT 37 (công trình chuyển tiếp 2015)	2.030			Phú Thọ	Thủ Dầu Một
42	Cải tạo nút giao thông Sở Sao (công trình chuyển tiếp 2015)	4.813			Hiệp An, Định Hòa	Thủ Dầu Một
43	Dự án cải thiện môi trường nước Nam Bình Dương	1.709			Phú Thọ	Thủ Dầu Một
III	Dự án xây dựng công trình sinh hoạt ch	286.163				



1	Tái định cư đường Mỹ Phước – Tân Vạn nổi đất về hướng Khu công nghiệp Mỹ Phước II	254.100	07, 18, 23		Tân Định	Bến Cát
	Khu dân cư, tái định cư phường Uyên Hưng	17.063	47	465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 472, 473, 474, 475, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484	Uyên Hưng	Tân Uyên
3	Khu dân cư, tái định cư xã Tân Mỹ	15.000	57	Thửa đất số 461, 462, 474 và một phần các thửa đất số 415, 463, 539, 540, 541, 416	Tân Mỹ	Bắc Tân Uyên
79	Tổng	2.807.023				